

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023.
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Anh Chiến.

2. Ông Ngô Minh Ngọc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG.

Địa chỉ trụ sở chính: phường VTS, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Song Hạ Q – chức vụ: Trưởng phòng Phòng Giao dịch Chợ Gạo (có mặt);

Địa chỉ: ấp TP, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn:

- Bà Ung Thị L, sinh năm 1988 (vắng mặt);

- Ông Võ Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp BT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2023, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần SG và đại diện theo ủy quyền là bà Trần Song Hạ Q trình bày:

- Căn cứ hợp đồng tín dụng số LD2004100630 ký ngày 11/02/2020 giữa Ngân hàng TMCP SG – Phòng giao dịch Chợ Gạo với bà Ung Thị L và ông Võ Văn T theo đó Ngân hàng cho bà L và ông T vay số tiền 200.000.000 đồng như sau:

+ Ngày vay 13/02/2020.

+ Thời hạn vay: 05 năm.

+ Phương thức trả nợ: Vốn trả hàng 06 tháng, lãi trả hàng tháng, lãi trả theo dư nợ giảm dần.

+ Ngày đáo hạn: Ngày 13/02/2025.

+ Lãi suất: 12,5%/năm, điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng.

+ Mục đích vay: Trồng thanh long.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 13/02/2020, bà L và ông T đã thanh toán vốn lãi theo hợp đồng đến ngày 15/01/2023, kể từ đó đến nay bà L, ông Tuấn ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện cho bà L, ông T thanh toán nhưng bà L, ông T vẫn không có thiện chí trả nợ.

Như vậy, đến hết ngày 24/02/2023, bà L, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 51.724.326 đồng.

Đến hết ngày 13/7/2023, bà L và ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.806.914 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.739.506 đồng, tiền lãi chậm trả là 173.119 đồng. Tính đến ngày 13/7/2023, bà L và ông T còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền theo hợp đồng tín dụng là 108.719.539 đồng.

- Căn cứ hợp đồng tín dụng số 202126429531 ký ngày 17/11/2021 giữa Ngân hàng với bà L, ông T, theo đó Ngân hàng cho bà L, ông T vay số tiền 70.000.000 đồng như sau:

+ Ngày vay: 17/11/2021.

+ Thời hạn vay: 5 năm.

+ Phương thức trả nợ: vốn, lãi trả hàng tháng; lãi trả theo dư nợ giảm dần.

+ Ngày đáo hạn: 17/11/2026.

+ Lãi suất: 12%/năm; điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng.

+ Mục đích vay: Vay tiêu dùng.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 17/11/2021, bà L, ông T đã thanh toán đến ngày 15/12/2022, kể từ đó đến nay bà L, ông T ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện cho bà L, ông T thanh toán nhưng bà L, ông T vẫn không có thiện chí trả nợ.

Như vậy, đến hết ngày 24/02/2023, bà L, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn là 15.210.000 đồng, tiền lãi là 8.247.113 đồng.

Đến hết ngày 13/7/2023, bà L và ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 54.790.000 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 4.370.676 đồng, tiền lãi quá hạn 445.072 đồng, tiền lãi chậm trả là 111.632 đồng. Tính đến ngày 13/7/2023, bà L và ông T còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền theo hợp đồng tín dụng là 59.717.380 đồng.

- Ngày 03/03/2020, bà L có ký kết với Ngân hàng TMCP SG – Phòng giao dịch Chợ Gạo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ thu nhập của bà Ung Thị L, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà L thẻ tín dụng với hạn mức 19.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (ngày 22/02/2023), bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.900.000 đồng, tiền lãi là 13.948.100 đồng, tiền phí là 2.565.292 đồng, tính đến ngày 22/02/2023 bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 26.524.995 đồng (trong đó tiền vốn 12.606.801 đồng, tiền lãi và phí là 13.918.194 đồng), kể từ đó đến nay bà L ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 22/02/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Từ ngày toàn bộ dư nợ được chuyển sang nợ quá hạn, tiền lãi quá hạn được tính trên số dư nợ đã chuyển (tạm tính đến ngày 22/02/2023) là 20.888.397 đồng.

Đến ngày 13/7/2023, bà L còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ quá hạn: 20.888.397 đồng.

Lãi quá hạn: 3.728.745 đồng.

Tổng cộng 24.617.142 đồng.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Thửa số 373, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.707m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp 1, xã Tân Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất số phát hành CT973686, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS06734 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/01/2020 cho bà Ung Thị L.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Ung Thị L và ông Võ Văn T phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP SG – Phòng Giao dịch Chợ Gạo tạm tính đến ngày 13/7/2023 đối với Hợp đồng tín dụng số LD2004100630 ký ngày 11/02/2020 và hợp đồng số 202126429531 ký ngày 17/11/2021 với số tiền vốn là 154.790.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.177.590 đồng, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả là 2.469.329 đồng.

- Buộc bà Ung Thị L phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP SG – Phòng Giao dịch Chợ Gạo tạm tính đến ngày 13/7/2023 đối với khoản nợ thẻ tín dụng số tiền dư nợ quá hạn là 20.888.397 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.728.745 đồng..

Sau ngày 13/7/2023 nếu bà Ung Thị L, ông Võ Văn T chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của các Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

Nếu bà Ung Thị L và ông Võ Văn T không thực hiện việc trả nợ đối với 03 khoản nợ nêu trên, đề nghị cho Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng để trả nợ.

* Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Ung Thị L và ông Võ Văn T biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng bà L và ông T vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu:

- Buộc bà Ung Thị L và ông Võ Văn T phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP SG – Phòng Giao dịch Chợ Gạo số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD2004100630 ký ngày 11/02/2020 và hợp đồng số 202126429531 ký ngày 17/11/2021 tạm tính đến hết ngày 06/9/2023 là 172.570.529 đồng (vốn: 154.790.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 13.941.700 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.375.532 đồng, tiền lãi chậm trả: 463.297 đồng).

- Buộc bà Ung Thị L phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP SG – Phòng Giao dịch Chợ Gạo số tiền còn nợ theo Hợp đồng số 1440427 ngày 04/3/2020 số tiền tạm tính đến hết ngày 06/9/2023 là 26.071.617 đồng (dư nợ quá hạn: 20.888.397 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.183.220 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà L và ông T còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn Hợp đồng tín dụng số LD2004100630 ký ngày 11/02/2020, hợp đồng số 202126429531 ký ngày 17/11/2021 và Hợp đồng cấp

thẻ tín dụng số 1440427 ngày 04/3/2020 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp bà L và ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT973686, sổ vào sổ cấp GCN CS06734 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/01/2020 (chủ sở hữu là bà Ung Thị L) để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn bà Ung Thị L và ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông T.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SG (gọi tắt là Ngân hàng) và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng tín dụng" qui định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số LD2004100630 ký ngày 11/02/2020, hợp đồng số 202126429531 ký ngày 17/11/2021 và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1440427 ngày 04/3/2020 được ký kết giữa Ngân hàng với bà L, ông T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L, ông T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà L, ông T vẫn không có thiện chí trả nợ.

Theo Hợp đồng tín dụng số LD2004100630 ký ngày 11/02/2020 và hợp đồng số 202126429531 ký ngày 17/11/2021, bà L và ông T còn nợ số tiền tạm tính đến hết

ngày 06/9/2023 là 172.570.529 đồng (vốn: 154.790.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 13.941.700 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.375.532 đồng, tiền lãi chậm trả: 463.297 đồng).

Theo Hợp đồng số 1440427 ngày 04/3/2020 số tiền tạm tính đến hết ngày 06/9/2023 là 26.071.617 đồng (dư nợ quá hạn: 20.888.397 đồng, tiền lãi quá hạn: 5.183.220 đồng).

Việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông T phải trả số tiền còn nợ và lãi nói trên là phù hợp với Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số LD2004100630 ngày 11/02/2020 được giao kết giữa các bên có nội dung phù hợp với quy định pháp luật, được công chứng hợp pháp nên là hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào nội dung hợp đồng, có đủ cơ sở xác định bà L và ông T đã dùng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT973686, sổ vào sổ cấp GCN CS06734 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/01/2020 cho bà Ung Thị L đứng tên thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, trường hợp bà L và ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LD2004100630 ngày 11/02/2020.

[2.4] Bà Ung Thị L và ông Võ Văn T vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP SG không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ung Thị L và ông Võ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SG.

Buộc ông Võ Văn T và bà Ung Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP SG số tiền vốn gốc theo Hợp đồng tín dụng số LD2004100630 ký ngày 11/02/2020 và hợp đồng số 202126429531 ký ngày 17/11/2021 là 154.790.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng), tiền lãi trong hạn tạm tính đến ngày 06/9/2023 là 13.941.700 đồng (Mười ba triệu chín trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm đồng), tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 06/9/2023 là 3.375.532 đồng (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm ba mươi hai đồng), tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 06/9/2023 là 463.297 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng). Tổng cộng tạm tính đến ngày 06/9/2023 là: 172.570.529 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm bảy mươi ngàn năm trăm hai mươi chín đồng).

Buộc bà Ung Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP SG dư nợ quá hạn theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 1440427 ngày 04/03/2020 là 20.888.397 đồng (Hai mươi triệu tám trăm tám mươi tám ngàn ba trăm chín mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 06/9/2023 là 5.183.220 đồng (Năm triệu một trăm tám mươi ba ngàn hai trăm hai mươi đồng). Tổng cộng tạm tính đến ngày 06/9/2023 là: 26.071.617 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Võ Văn T, bà Ung Thị L còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn Hợp đồng tín dụng số LD2004100630 ký ngày 11/02/2020, hợp đồng số 202126429531 ký ngày 17/11/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 1440427 ngày 04/03/2020 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà L và ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT973686, sổ vào sổ cấp GCN CS06734 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 03/01/2020 cho bà Ung Thị L đứng tên để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP SG số tiền 4.731.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0025805 ngày 27/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ông Võ Văn T và bà Ung Thị L phải liên đới chịu 8.628.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ung Thị L phải chịu 1.303.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Dung